

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/DDKH/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0314524290

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC YẾN SÀO KIDGROW

2. Thành phần: Nước, Đường phèn, Tỏ yến (12%), Chất xơ, Taurine, Chất ổn định (INS 415, INS 407, INS 401, INS 327), Hương yến (tổng hợp, giống tự nhiên).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh có nắp nhôm, sau đó cho vào hộp giấy, thùng giấy. Bao bì đảm bảo vệ sinh và phù hợp quy định hiện hành về bao bì thực phẩm

- Thể tích thực: 70 ml/hũ

- Số lượng sản phẩm trong hộp giấy: 06 hũ/hộp

- số lượng sản phẩm trong thùng giấy:

* 60 hũ (10 block x 06 hũ)

* 60 hũ (10 hộp x 06 hũ)

Số lượng sản phẩm trong hộp giấy, thùng giấy còn tùy theo nhu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

* Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B, Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

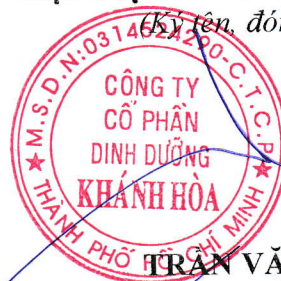
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP HCM, ngày 25 tháng 09 năm 2023.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TRẦN VĂN TRUNG

III. Mẫu nhãn sản phẩm: mẫu nhãn sản phẩm dự kiến



THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC YẾN SÀO KIDGROW

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất tại: Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Bình Dương.

Địa chỉ: Lô B, Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Thành phần: Nước, Đường phèn, Tảo yến (12%), Chất xơ, Taurine, Chất ổn định (INS 415, INS 407, INS 401, INS 327), Hương yến (tổng hợp, giống tự nhiên).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
Hàm lượng đường tổng, trong khoảng	%	8.8 – 15.5
Hàm lượng chất khô, không nhỏ hơn	%	≥ 8.0
Hàm lượng protein (N*6.25)	%	0.12 – 0.24
Hàm lượng Canxi	mg/kg	≥ 570
Taurine	mg/100g	≥ 60
Xơ hòa tan	g/100g	≥ 0.2
Tỷ trọng ở 25°C		0,7 – 1,3

Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát tránh ánh nắng trực tiếp

Thông tin cảnh báo an toàn: Không dùng sản phẩm đã quá hạn sử dụng.

Ngày sản xuất: xem trên nắp hũ

Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất

Xuất xứ: Việt Nam

Số TCBSP: 09/DDKH/2019

Thể tích thực: 70 ml/ hũ

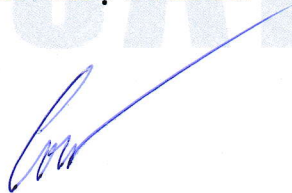
KT3-09267ATP2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/12/2022
Trang 01/03

1. Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG NƯỚC YẾN SÀO KIDGROW**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Xem hình trang 03/03.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 14/12/2022
5. Thời gian thử nghiệm : 14/12/2022 - 29/12/2022
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG KHÁNH HÒA**
Tầng 6, Tòa Nhà Hoàng Việt, Số 34 Hoàng Việt, Phường 4,
Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-09267ATP2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/12/2022
 Trang 02/03



7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, %	QTTN/KT3 140:2016 Phương pháp Kjeldahl	-	-	0,19
7.2. Hàm lượng đường tổng tính theo glucose tính theo khối lượng, %	QTTN/KT3 178:2017 (Ref: TCVN 4594:1988)	-	-	11,7
7.3. Hàm lượng chất khô tính theo khối lượng, %	QTTN/KT3 136:2016	-	-	12,6
7.4. Tỷ trọng tương đối ở 20°C/20°C	QTTN/KT3 191:2018	-	-	1,054
7.5. Hàm lượng canxi, mg/kg	QTTN/KT3 167:2017 (Ref: AOAC (985.01))	-	-	966
7.6. Hàm lượng chì, mg/L	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	1,80 x 10 ⁻²	-	Không phát hiện
7.7. Hàm lượng thủy ngân, mg/L	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50x10 ⁻²	-	Không phát hiện
7.8. Hàm lượng taurine, mg/100 g	QTTN/KT3 220:2018 (Ref: TCVN 8476:2010)	-	-	76,9
7.9. Hàm lượng xơ tiêu hóa tổng, g/100 g	QTTN/ KT3 271:2020 (Ref: AOAC (991.43))	-	0,30	Không phát hiện
7.10. Hàm lượng xơ tan tính theo khối lượng ^(**) , %	QTTN/KT3 345:2022	-	-	0,41
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 4833-1:2013	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.12. Coliform ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.13. <i>Escherichia Coli</i> ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 16649 – 2 : 2001	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.14. Enterococci ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 7899-2:2000	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.15. <i>Pseudomonas aeruginosa</i> ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 16266 : 2006	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.16. <i>Staphylococcus aureus</i> ⁽¹⁾ , CFU/mL	AOAC 2019 (975.55)	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.17. <i>Clostridium perfringens</i> ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.18. Tổng số nấm men & nấm mốc ⁽¹⁾ , CFU/mL	ISO 21527-1:2008	-	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)

Ghi chú: Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,25

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

(1): Chuẩn bị mẫu: Thực hiện đồng nhất mẫu trong túi dập mẫu vô trùng có lọc. Thử nghiệm trên phần dịch lỏng theo yêu cầu của khách hàng.

(**): Inulin tính theo fructose

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-09267ATP2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/12/2022
 Trang 03/03



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.